

TRẠNG DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Ngày 31-03-2016

Số: 5275

aley

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG
BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

01-04-2016



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Nhóm công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600448180 ngày 07 tháng 05 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 10 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 45 tỷ đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Huỳnh Tấn Trí	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Trần Chí Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Hồ Đình Cường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Nguyễn Tiến Khoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Mai Duy Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Phan Văn Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2015)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Tạ Quang Thanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)
Ông Lê Thế Dân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2015)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Chí Hiếu	Tổng giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 01/10/2015)
Ông Huỳnh Tấn Trí	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2015)
Ông Nguyễn Nhật Tiến	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/05/2015)

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

6. KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Nhóm công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 72,55 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu là 23,30 tỷ. Khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và gia hạn các khoản vay đến hạn từ ngân hàng. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2015 không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty tin rằng các chủ đầu tư và ngân hàng sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động cũng như gia hạn nợ cho Nhóm công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN

BÊ TÔNG

BIÊN HÒA

TRAN CHÍ HIẾU

Số: 16.131A HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Đến ngày 31/12/2015, Nhóm Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu với tổng số tiền ước tính là 16,92 tỷ đồng, chi tiết như sau:

- Dự phòng nợ phải thu khách hàng với số tiền ước tính là 14,74 tỷ đồng.
- Dự phòng các khoản trả trước cho người bán không có khả năng thu hồi với số tiền ước tính là 0,47 tỷ đồng.
- Dự phòng các khoản tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc với số tiền ước tính là 1,71 tỷ đồng.

Như vậy, nếu các khoản dự phòng phải thu nêu trên được ghi nhận đầy đủ theo quy định hiện hành vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thì khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" sẽ tăng là 16,92 tỷ đồng và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2015 sẽ giảm đi 16,92 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2015, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng là 16,92 tỷ đồng và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 16,92 tỷ đồng.

2. Khấu hao tài sản cố định

Trên cơ sở áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình, Nhóm Công ty đang ghi nhận thiếu chi phí khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2015 với số tiền ước tính là 2,47 tỷ đồng. Nếu Nhóm Công ty ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng thì chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2015 và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015 sẽ giảm đi một khoản tương ứng 2,47 tỷ đồng.

3. Tài sản thuế hoãn lại

Ngoài ra, như đã trình bày tại thuyết minh mục 5.8, Nhóm Công ty có khoản tài sản thuế hoãn lại tương ứng với khoản lỗ năm 2011 là 4,6 tỷ đồng với thời hạn chuyển lỗ cuối cùng là năm 2016. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về khả năng có lãi trong năm 2016 để sử dụng khoản tài sản thuế hoãn lại nêu trên. Do đó, nếu khoản thuế hoãn lại này được hoàn nhập trong năm nay thì khoản mục "Tài sản thuế thu nhập hoãn lại" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2015 sẽ giảm đi tương ứng mỗi khoản mục là 4,6 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2015, chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi một khoản tương ứng là 4,6 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bê Tông Biên Hòa và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 4.25 của thuyết minh báo cáo tài chính, số lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2015 của Nhóm Công ty là 72,55 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu là 23,30 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Nhóm Công ty có các khoản nợ vay ngân hàng và lãi vay đã quá hạn thanh toán đến ngày 31/12/2015 là 41,1 tỷ đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

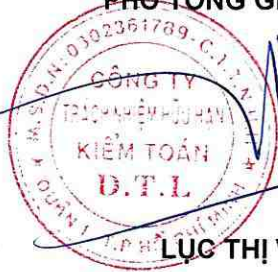
Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Vào ngày 25/03/2015, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản mục dự phòng phải thu khó đòi và khoản mục chi phí khấu tài sản cố định lũy kế chưa được ghi nhận.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUYỀN THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.719.572.918	55.960.902.089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	1.458.198.684	2.674.772.402
1. Tiền	111		1.458.198.684	2.674.772.402
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.560.843.905	33.912.829.061
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	49.650.870.263	40.976.928.855
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		711.328.909	1.548.837.423
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.3)	5.660.619.081	5.924.869.027
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.4)	(14.461.974.348)	(14.537.806.244)
III. Hàng tồn kho	140		13.523.406.557	19.060.905.015
1. Hàng tồn kho	141	(5.5)	13.901.653.029	19.695.046.716
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(378.246.472)	(634.141.701)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		177.123.772	312.395.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		177.123.772	25.572.416
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			286.823.195
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.135.142.506	86.024.507.700
I. Tài sản cố định	220		48.845.580.255	46.849.069.749
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	48.845.580.255	46.849.069.749
+ Nguyên giá	222		97.435.279.097	96.410.148.414
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.589.698.842)	(49.561.078.665)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		179.925.531	21.268.637
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		179.925.531	21.268.637
III. Tài sản dài hạn khác	260		38.109.636.720	39.154.169.314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	20.353.303.384	21.397.835.978
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(5.8)	17.756.333.336	17.756.333.336
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		143.854.715.424	141.985.409.789

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		167.156.889.132	158.117.870.636
I. Nợ ngắn hạn	310		165.340.289.132	146.973.870.636
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.10)	71.792.546.953	72.169.416.028
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.808.380.615	2.622.790.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.11)	9.027.192.839	7.877.822.335
4. Phải trả người lao động	314	(5.12)	1.811.818.496	2.441.774.088
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.13)	17.292.343.763	11.428.250.812
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.14)	2.110.344.897	1.701.355.492
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.9)	61.497.038.756	48.731.838.780
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		622.813	622.813
II. Nợ dài hạn	330		1.816.600.000	11.144.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.9)	1.816.600.000	11.144.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(23.302.173.708)	(16.132.460.847)
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15.1)	(23.302.173.708)	(16.132.460.847)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.15.2)	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.609.818.000	1.609.818.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.652.254.535	1.652.254.535
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		990.996.407	990.996.407
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(72.555.242.650)	(65.385.529.789)
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(65.385.529.789)	(50.323.823.546)
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.169.712.861)	(15.061.706.243)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		143.854.715.424	141.985.409.789

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRẦN THỊ KIM THU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN PHÚC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2016



TRẦN CHÍ HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		167.184.667.953	89.936.850.883
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	167.184.667.953	89.936.850.883
3. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	141.037.865.173	84.206.842.001
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.146.802.780	5.730.008.882
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		39.618.779	19.599.387
6. Chi phí tài chính	22	(6.3)	7.252.802.396	10.007.839.862
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.843.859.788	8.290.041.158
7. Chi phí bán hàng	25	(6.4)	11.758.369.396	4.329.131.810
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.5)	13.887.968.862	11.507.832.059
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.712.719.095)	(20.095.195.462)
10. Thu nhập khác	31	(6.6)	1.120.541.514	2.109.531.911
11. Chi phí khác	32	(6.7)	1.490.795.482	1.197.330.915
12. Lợi nhuận khác	40		(370.253.968)	912.200.996
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.082.973.063)	(19.182.994.466)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		86.739.798	
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(4.121.288.223)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.169.712.861)	(15.061.706.243)
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(7.169.712.861)	(15.061.706.243)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.15.4)	(1.593)	(3.347)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.15.4)	(1.593)	(3.347)

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN VĂN PHÚC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2016



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN CHÍ HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

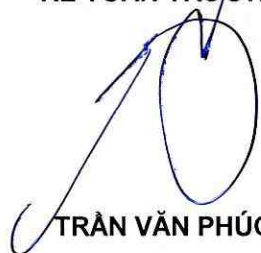
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(7.082.973.063)	(19.182.994.466)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		3.743.734.494	4.108.947.115
Các khoản dự phòng	03		(331.727.125)	(484.560.720)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.028.197.109)	(2.082.167.656)
Chi phí lãi vay	06		6.843.859.788	8.290.041.158
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.144.696.985	(9.350.734.569)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.718.125.606)	(1.173.584.258)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.419.760.579	(88.639.206)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.629.396.775)	9.745.965.089
Tăng giảm chi phí trả trước	12		892.981.238	1.770.796.530
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.854.355.307)	(1.873.202.798)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(152.943.662)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.897.382.548)	(969.399.212)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.785.188.255)	(21.268.637)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.020.745.455	2.068.636.364
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.451.654	13.531.292
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.756.991.146)	2.060.899.019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	90.571.900.274	40.248.833.096
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(87.134.100.298)	(40.995.227.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.437.799.976	(746.394.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.216.573.718)	345.105.682
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.674.772.402	2.329.666.720
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	(5.1)	1.458.198.684	2.674.772.402

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THANH THỦY

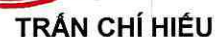
KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN PHÚC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN CHÍ HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600448180 ngày 07 tháng 05 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 10 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 là 45 tỷ đồng, chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	
Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	18.412.820.000	40,92%	18.412.820.000	40,92%	
Vốn góp của các đối tượng khác	26.587.180.000	59,08%	26.587.180.000	59,08%	
Cộng	<u>45.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>45.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>	

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm công ty).

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 281 (31/12/2014: 173).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm;
- Sản xuất cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, nhà ở;
- Kinh doanh nhà.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty TNHH Một Thành Viên An Hòa - BCC	Khu công nghiệp Nhựt Chánh, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng ngoại thương – Chi nhánh Biên Hòa.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Nhóm công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Năm 2015 là năm đầu tiên Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Nhóm Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.24.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiêm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 49 năm.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 50 năm	10 - 30 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 15 năm	06 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm	05 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 năm	04 - 10 năm

4.10 Thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

4.11 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.12 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.14 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Nhóm công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.15 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

4.16 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

4.19 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.22 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.23 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.24 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Nhóm Công ty đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong các thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được điều chỉnh lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

	Đầu năm	Đầu năm
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Phải thu ngắn hạn khác	5.924.869.027	2.047.843.728
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	19.881.636
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.857.143.663
TSCĐ vô hình	-	20.088.456.521
+ Nguyên giá	-	22.040.668.802
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	(1.952.212.281)
Chi phí trả trước dài hạn	21.397.835.978	1.309.379.457

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa thông tư 200, Thông tư 202 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	TT200	CMKT & Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Tạm ứng	Phải thu ngắn hạn khác	Tài sản ngắn hạn khác
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	Phải thu ngắn hạn khác	Tài sản ngắn hạn khác
Quyền sử dụng đất KCN có thời hạn	Chi phí trả trước dài hạn	Tài sản cố định vô hình

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (trích):

	Năm trước	Năm trước
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.082.167.656)	(13.531.292)
Chi phí lãi vay	8.290.041.158	5.842.017.625
Tăng, giảm các khoản phải thu	(1.173.584.258)	(433.687.217)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	9.745.965.089	8.543.219.844

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

	Năm trước	VND Năm trước
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Tiền lãi vay đã trả	(1.873.202.798)	491.916.803
Tiền thu từ đi vay	40.248.833.096	38.725.948.868

Việc điều chỉnh lại các chỉ tiêu trên là do:

- Trình bày lại khoản mục lãi từ thanh lý tài sản cố định đang được ghi giảm khoản tiền nhận được từ đi vay và phải thu khác.
- Trình bày lại khoản mục chi phí lãi vay chưa thanh toán chưa được ghi nhận.

4.25 Khả năng hoạt động liên tục

Nhóm công ty có khoản lỗ lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 72,55 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu là 23,30 tỷ. Khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như các khoản nợ đến hạn được gia hạn bởi ngân hàng. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2015 không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty tin rằng các chủ đầu tư và ngân hàng sẽ không tiếp tục tài trợ cũng như gia hạn nợ cho Nhóm công ty. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	217.869.611	121.004.834
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.240.329.073	2.553.767.568
Cộng	<u>1.458.198.684</u>	<u>2.674.772.402</u>

5.2. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	VND Đầu năm
Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD 102	3.932.001.000	3.932.001.000
Công ty CP Xây dựng 14-9	3.896.752.028	3.896.752.028
Công ty TNHH Xây Dựng Tầm Cao Việt	3.677.286.499	-
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Sài Gòn	2.385.670.000	2.385.670.000
Công ty TNHH TM DV XD Khang Thịnh Đạt	2.041.684.036	-
Công ty CP ACC Phát Triển Công Nghệ	1.992.026.690	355.236.390
Các khách hàng khác	31.725.450.010	30.407.269.437
Cộng	<u>49.650.870.263</u>	<u>40.976.928.855</u>

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9.

Tổng công ty Xây dựng Số 1 – TNHH Một thành viên	831.163.240	-
--	-------------	---

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Theo hợp đồng thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng VID Public Bank của Công ty mẹ, các khoản nợ phải thu khách hàng với số tiền 7 tỷ đồng duy trì mọi thời điểm được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.9.

5.3. Phải thu ngắn hạn khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	2.538.841.122	-	3.263.176.063	-
Ký cược, ký quỹ	199.194.468	-	50.081.636	-
Phải thu ông Nguyễn Minh Huy	2.325.770.593	1.941.049.661	2.336.770.593	1.961.549.661
Phải thu khác	596.812.898	2.100.000	274.840.735	2.100.000
Cộng	<u>5.660.619.081</u>	<u>1.943.149.661</u>	<u>5.924.869.027</u>	<u>1.963.649.661</u>

5.4. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	23.216.031.365	8.754.057.017	20.446.982.628	5.909.176.384

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Xây dựng 14-9	3.896.752.028	2.727.726.420	Trên 3 năm	3.896.752.028	2.727.726.420	Trên 3 năm
Công ty TNHH Đầu Tư BĐS Sài Gòn	2.385.670.000	1.669.969.000	Trên 3 năm	2.385.670.000	1.669.969.000	Trên 3 năm
Công ty CP ACC Phát Triển Công Nghệ	1.992.026.690	1.992.026.690	Từ 1 đến 2 năm	-	-	-
Công ty TNHH Xây Dựng Liên Thạch	923.459.280	-	Trên 3 năm	923.459.280	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Kinh Bang	754.410.657	-	Trên 3 năm	754.410.657	-	Trên 3 năm
Các công ty khác	10.747.895.449	1.794.667.307	Trên 3 năm	9.981.873.402	970.313.364	Trên 3 năm
Cộng	<u>20.700.214.104</u>	<u>8.184.389.417</u>		<u>17.942.165.367</u>	<u>5.368.008.784</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản phải thu khác theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Ông Nguyễn Minh Huy	2.325.770.593	384.720.932	Từ 2 đến 3 năm	2.336.770.593	375.220.932	Từ 1 đến 2 năm	
Đối tượng khác	190.046.668	184.946.668	Trên 3 năm	168.046.668	165.946.668	Trên 3 năm	
Cộng	<u>2.515.817.261</u>	<u>569.667.600</u>		<u>2.504.817.261</u>	<u>541.167.600</u>		

5.5. Hàng tồn kho

	Đầu năm		Cuối năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	4.743.127.285	-	3.024.520.716	-	
Công cụ, dụng cụ	283.241.000	-	210.365.665	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	685.604.024	-	5.204.149.407	-	
Thành phẩm	8.017.309.256	378.246.472	9.960.819.585	634.141.701	
Hàng hóa	38.707.455	-	1.962.000	-	
Hàng gửi bán	133.664.009	-	1.293.229.343	-	
Cộng	<u>13.901.653.029</u>	<u>378.246.472</u>	<u>19.695.046.716</u>	<u>634.141.701</u>	

Theo hợp đồng thế chấp các khoản vay tại Ngân hàng VID Public Bank, Nhóm Công ty phải duy trì giá trị hàng tồn kho của công ty mẹ tại mọi thời điểm kỳ là 8 tỷ đồng – Xem thêm mục 5.9.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	28.554.378.994	55.692.764.283	11.344.365.340	179.542.400	639.097.397	96.410.148.414
Mua trong năm	-	5.740.245.000	-	-	-	5.740.245.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.715.114.317)	-	-	-	(4.715.114.317)
Số dư cuối năm	28.554.378.994	56.717.894.966	11.344.365.340	179.542.400	639.097.397	97.435.279.097
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	9.291.339.976	33.144.304.348	6.752.414.738	96.956.535	276.063.068	49.561.078.665
Khấu hao trong năm	728.310.839	2.061.063.145	896.676.354	4.786.920	52.897.236	3.743.734.494
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.715.114.317)	-	-	-	(4.715.114.317)
Số dư cuối năm	10.019.650.815	30.490.253.176	7.649.091.092	101.743.455	328.960.304	48.589.698.842
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	19.263.039.018	22.548.459.935	4.591.950.602	82.585.865	363.034.329	46.849.069.749
Tại ngày cuối năm	18.534.728.179	26.227.641.790	3.695.274.248	77.798.945	310.137.093	48.845.580.255

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 96.758.689.878 đồng – Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.934.333.454 đồng;

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Quyền sử dụng đất (*)	19.638.628.865	20.088.456.521
Công cụ dụng cụ	366.343.677	588.490.506
Chi phí trả trước khác	348.330.843	720.888.951
Cộng	<u>20.353.303.384</u>	<u>21.397.835.978</u>

(*) Là quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với thời hạn 49 năm được dùng thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng VID – CN Bình Dương – Xem thêm mục 5.9.

5.8. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng, chi tiết như sau:

	Số dư tài sản thuế hoãn lại	Thời hạn chuyển lỗ
Năm 2011	4.611.123.080	Năm 2016
Năm 2012	6.492.697.833	Năm 2017
Năm 2013	2.531.224.200	Năm 2018
Năm 2014	4.121.288.223	Năm 2019
Cộng	<u>17.756.333.336</u>	

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Nhóm Công ty chưa có bằng chứng chắc chắn về việc sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để bù đắp các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ các năm trước đến năm tài chính này, do vậy, Nhóm Công ty không tính và trình bày tài sản thuế hoãn lại và chi phí thuế hoãn lại trong năm hiện hành.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.9. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn:	61.497.038.756	22.107.038.756	98.911.900.274	86.146.700.298	48.731.838.780	19.785.838.780	
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Biên Hòa</i>	19.996.264.156	19.996.264.156	84.113.810.223	83.903.384.847	19.785.838.780	19.785.838.780	
<i>Ngân hàng VID Public Bank – Chi nhánh Bình Dương</i>	10.226.774.600	1.546.774.600	3.640.090.051	2.243.315.451	8.830.000.000	-	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	31.274.000.000	564.000.000	11.158.000.000	-	20.116.000.000	-	
Vay dài hạn:	1.816.600.000	1.816.600.000	2.818.000.000	12.145.400.000	11.144.000.000	-	
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Biên Hòa</i>	2.380.600.000	2.380.600.000	2.818.000.000	437.400.000	-	-	
<i>Ngân hàng VID Public Bank – Chi nhánh Bình Dương</i>	30.710.000.000	-	-	550.000.000	31.260.000.000	-	
<i>Trừ nợ dài hạn đến hạn trả</i>	(31.274.000.000)	(564.000.000)	-	11.158.000.000	(20.116.000.000)	-	
Cộng	63.313.638.756	23.923.638.756	101.729.900.274	98.292.100.298	59.875.838.780	19.785.838.780	

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,5%/năm đối với VND và các khoản vay ngân hàng dài hạn với thời hạn 5 năm đến 7 năm và chịu lãi suất từ 8,5%/năm đến 10%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Các khoản nợ phải thu với số tiền 7 tỷ đồng được duy trì mọi thời điểm – Xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho tại công ty mẹ với số tiền là 8 tỷ đồng được duy trì tại mọi thời điểm – Xem thêm mục 5.5.
- Toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng trên đất, máy móc, phương tiện vận tải tại đường Số 1A, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai và tại Khu công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với nguyên giá là 96.758.689.878 đồng – Xem thêm mục 5.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

- Bảo lãnh cá nhân của ông Huỳnh Tấn Trí – Chủ tịch Hội đồng quản trị cho số tiền vay 3 tỷ đồng.

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	
Vay ngắn hạn	8.680.000.000	3.862.765.303	8.830.000.000	3.873.137.366	
Vay dài hạn	26.388.000.000	12.165.332.536	17.002.000.000	7.127.737.333	
Cộng	35.068.000.000	16.028.097.839	25.832.000.000	11.000.874.699	



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thành Lợi	13.175.030.032	13.175.030.032	13.225.030.032	13.225.030.032
Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	10.011.923.637	10.011.923.637	13.987.947.167	13.987.947.167
Công ty TNHH Thương mại Phương Nga	5.421.346.862	5.421.346.862	5.619.681.505	5.619.681.505
Phải trả cho các đối tượng khác	43.184.246.422	43.184.246.422	39.336.757.324	39.336.757.324
Cộng	<u>71.792.546.953</u>	<u>71.792.546.953</u>	<u>72.169.416.028</u>	<u>72.169.416.028</u>

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9.

Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	10.011.923.637	10.011.923.637	13.987.947.167	13.987.947.167
--	----------------	----------------	----------------	----------------

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND			
	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	5.059.896.892	18.306.084.580	18.231.323.225	5.134.658.247
Thuế nhà thầu	164.163.486	-	-	164.163.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp	630.054.774	86.739.798	152.943.662	563.850.910
Thuế thu nhập cá nhân	127.404.490	103.490.683	28.880.155	202.015.018
Các loại thuế khác	1.896.302.693	1.140.928.821	74.726.336	2.962.505.178
Cộng	<u>7.877.822.335</u>	<u>19.637.243.882</u>	<u>18.487.873.378</u>	<u>9.027.192.839</u>

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chi phí vận chuyển	794.760.080	-
Lãi vay	16.046.703.841	11.132.117.207
Trợ cấp thôi việc	-	235.888.000
Các khoản trích trước khác	450.879.842	60.245.605
Cộng	<u>17.292.343.763</u>	<u>11.428.250.812</u>

5.14. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	443.792.792	715.517.201
Cổ tức phải trả	645.714.580	645.714.580
Phải trả khác	1.020.837.525	340.123.711
Cộng	<u>2.110.344.897</u>	<u>1.701.355.492</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	1.609.818.000	1.652.254.535	990.996.407	(1.070.754.604)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(15.061.706.243)
Số dư đầu năm nay	45.000.000.000	1.609.818.000	1.652.254.535	990.996.407	(16.132.460.847)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(7.169.712.861)
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	1.609.818.000	1.652.254.535	990.996.407	(23.302.173.708)

5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tổng công ty xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	18.412.820.000	18.412.820.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.587.180.000	26.587.180.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

5.15.3. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.500.000	4.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

5.15.4. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(7.169.712.861)	(15.061.706.243)
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đồng của Công ty mẹ	(7.169.712.861)	(15.061.706.243)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	4.500.000	4.500.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(1.593)</u>	<u>(3.347)</u>

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống	281.166.175	273.570.435
	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	254,90	299,08
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý:	1.409.947.489	1.409.947.489

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu từ bán bê tông ly tâm	108.466.656.487	52.490.875.853
Doanh thu từ bán bê tông tươi	34.953.851.538	14.045.641.035
Doanh thu từ bán bê tông đúc sẵn	5.148.994.453	20.183.209.667
Doanh thu từ bán thành phẩm khác	13.599.548.472	2.598.977.953
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.015.617.003	618.146.375
Cộng	<u>167.184.667.953</u>	<u>89.936.850.883</u>
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9:		
Tổng công ty Xây dựng số 1 – TNHH Một thành viên	24.933.062.569	9.123.137.273

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của bê tông ly tâm	81.987.449.289	47.973.578.558
Giá vốn của bê tông tươi	34.057.861.343	13.801.679.660
Giá vốn của bê tông đúc sẵn	4.764.684.381	18.533.420.969
Giá vốn của thành phẩm khác	17.786.462.757	3.793.108.238
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.441.407.403	105.054.576
Cộng	<u>141.037.865.173</u>	<u>84.206.842.001</u>

6.3. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	6.843.859.788	8.290.041.158
Lãi chậm thanh toán	391.436.171	1.704.295.703
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.506.437	13.503.001
Cộng	<u>7.252.802.396</u>	<u>10.007.839.862</u>

6.4. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bơm bê tông	1.306.874.541	168.148.453
Chi phí vận chuyển bê tông, cọc, trụ	10.187.137.621	3.913.978.720
Chi phí khác	264.357.234	247.004.637
Cộng	<u>11.758.369.396</u>	<u>4.329.131.810</u>

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.959.216.334	5.836.712.737
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	653.522.662	496.599.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.959.882.729	1.676.780.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.295.655.160	1.618.832.047
Chi phí bằng tiền khác	2.019.691.977	1.878.907.964
Cộng	<u>13.887.968.862</u>	<u>11.507.832.059</u>

6.6. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	1.020.745.455	2.068.636.364
Thu nhập khác	99.796.059	40.895.547
Cộng	<u>1.120.541.514</u>	<u>2.109.531.911</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

6.7. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	1.140.928.821	205.097.450
Các khoản khác	349.866.661	992.233.465
Cộng	<u>1.490.795.482</u>	<u>1.197.330.915</u>

6.8. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.422.158.984	42.279.932.712
Chi phí nhân công	13.025.713.110	10.276.159.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.415.588.770	2.647.549.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.619.753.353	12.533.563.636
Chi phí khác bằng tiền	2.019.691.977	1.841.247.452
Tổng cộng	<u>108.502.906.194</u>	<u>69.578.452.927</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong kỳ

	VND	
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	90.571.900.274	40.248.833.096

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	VND	
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	87.134.100.298	40.995.227.221

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Nhóm Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà nhóm Công ty cung cấp. Cụ thể là Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Nhóm Công ty chủ yếu là từ bán các sản phẩm từ bê tông nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhóm công ty, những dữ liệu dưới đây trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

	<u>TP.Hồ Chí Minh</u>		<u>Long An</u>		<u>Loại trừ</u>		Triệu đồng	
							<u>Tổng cộng</u>	
	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014
Doanh thu hợp nhất								
Từ khách hàng bên ngoài	121.918	56.869	45.267	33.068	-	-	167.185	89.937
Giữa các bộ phận	4.296	1.140	10.900	1.142	(15.196)	(2.282)	-	-
Tổng cộng	126.214	58.009	56.167	34.210	(15.196)	(2.282)	167.185	89.937
Tài sản của bộ phận	99.956	100.994	84.163	81.874	(40.264)	(40.883)	143.855	141.985
Chi phí mua sắm tài sản	5.674	-	67	-	-	-	5.740	-

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tổng công ty Xây Dựng Số 1 – TNHH Một Thành Viên | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Ông Huỳnh Tấn Trí | Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Trần Chí Hiếu | Tổng giám đốc điều hành |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.2:		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	831.163.240	-
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.10:		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	(10.011.923.637)	(13.987.947.167)
Người mua ứng trước		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	(169.976.417)	(2.062.549.000)

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Bán hàng - Xem thêm mục 6.1		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	24.933.062.569	9.123.137.273
Mua hàng hóa		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	3.767.105.455	8.697.703.420
Lãi chậm thanh toán		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	296.062.482	321.418.876

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị của công ty	234.800.942	270.401.314
Thu nhập Tổng Giám đốc của Công ty	102.438.533	189.090.946
Tổng cộng	<u>337.239.475</u>	<u>459.492.260</u>

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HỢP ĐỒNG

Nhóm công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	281.166.175	273.570.435

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Nhóm công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2016.

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THỊ THANH THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN VĂN PHÚC

Biên Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2016



TRẦN CHÍ HIẾU